

Số: 50/2019/QĐST-DS

Càng Long, ngày 25 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” giữa:

- *Nguyên đơn*: bà Trương Thị M, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Khóm K, thị trấn C, huyện C, tỉnh V;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh V.

- *Bị đơn*: 1. Ông Trần Văn U, sinh năm 1978;

2. Bà Hà Thị Ngọc T, sinh năm 1979;

Đồng nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Khóm K, thị trấn C, huyện C, tỉnh V;

2. Bà Trương Thị C, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh V.

3. Ông Lê Quốc D, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh V.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh V.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trương Thị M và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành T, bà Trương Thị C và ông Lê Quốc D cùng với ông Trần Văn U và bà Hà Thị Ngọc T thống nhất tự nguyện thỏa thuận như sau:

Ông Trần Văn U và bà Hà Thị Ngọc T tự nguyện trả cho bà Trương Thị M số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ và tiền lãi 1% là 513.231.000 đồng (*Năm trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng*). Ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trương Thị M và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành T, bà Trương Thị C và ông Lê Quốc D thống nhất nhận số tiền trên.

- **Về thời gian trả:** Ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trương Thị M và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành T, bà Trương Thị C và ông Lê Quốc D cùng với ông Trần Văn U và bà Hà Thị Ngọc T tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Trần Văn U và bà Hà Thị Ngọc T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.265.000 (*Mười hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng. Bà Trương Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Thị M 12.167.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai thu số AA/2018/0000539 ngày 26 tháng 02 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán**

(*Đã ký tên và đóng dấu*)

**Nguyễn Văn Mến**

